TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2017/DS-ST Yên Thành, ngày 28 tháng 9 năm 2017
Ngày 28 tháng 9 năm 2017
V/v*:* "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - NGHỆ AN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nhung

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Sỹ Tố
2. Ông Nguyễn Văn Dũng

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đào Quang Sáng - Cán bộ Tòa án huyện Yên Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành: Bà Lại Thị Hiền - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số **26**/2016/TLST - DS, ngày 15 tháng 12 năm 2016 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **136/**2017/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 9 năm 2017 giữa.

- Nguyên đơn: Ông Lê Ngọc H - sinh năm 1951.

Địa chỉ cư trú: xóm 4 - Y - xã P - Y - Nghệ An.

- Bị đơn: Ông Phạm Gia H - sinh năm 1941.

Địa chỉ cư trú: xóm 4 – Y - xã P – huyện Y - Nghệ An.

- Đại diện theo ủy quyền cho ông Phạm Gia H (Giấy ủy quyền lập ngày 06/01/2017).

Bà Phạm Thị V - sinh năm 1973 (Con gái ông H)

Địa chỉ cư trú: xóm N - xã P – huyện Y - Nghệ An

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Bà Trần Thị T - Sinh năm 1949 (Vợ ông H)

Địa chỉ cư trú: xóm 4 - xã P – huyện Y - Nghệ An

Bà Nguyễn Thị K - sinh năm 1949 (Vợ ông H)

Địa chỉ cư trú: xóm 4 Y - xã P- huyện Y- Nghệ An

- Đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị K (Giấy uỷ quyền lập ngày 02/5/2017)

Bà Phạm Thị V - sinh năm 1973

Địa chỉ cư trú: xóm N - xã P – huyện Y - Nghệ An

(Các bên đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/8/2016, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lê Ngọc H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T trình bày:

Vào năm 1992 nhà nước có chủ trương chính sách giao đất, giao rừng theo Quyết định 327- CT ông H được UBND huyện Y cấp sổ Lâm bạ số 88, diện tích 1 mẫu 5 sào 6 thước tại đồi L thuộc xóm 4 Y - xã P - Y - Nghệ An, thời gian sử dụng là 50 năm. Từ ngày được giao đất, giao rừng ông sử dụng không có tranh chấp với ai.

Ngày 02/3/1998 UBND huyện Y có chủ trương chuyển đổi từ sổ Lâm bạ năm 1992 thành hồ sơ giao đất Lâm nghiệp, gia đình ông đã làm theo quy định và được UBND huyện Y cấp hồ sơ giao đất Lâm nghiệp số 39 - KL, ngày 25/02/1999 do Phó chủ tịch UBND huyện Y ông Trương Công K ký. Năm 2001 nhà nước lại có chủ trương chuyển đổi từ hồ sơ giao đất Lâm nghiệp sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông cũng đã thực hiện đúng chủ trương chuyển đổi và được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/11/2001 do chủ tịch UBND huyện Y ông Nguyễn Văn N ký, mang tên vợ chồng ông là Lê Ngọc H và Trần Thị T; có sơ đồ kèm theo với tổng diện tích là 26.000 m^2 đất rừng sản xuất nhưng đến ngày 17/8/2016 diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Y đính chính lại về diện tích từ 26.000m^2 thành 6.000m^2. Từ khi được giao đất, giao rừng gia đình ông đã sử dụng, ổn định không có tranh chấp với ai, quá trình sử dụng đất ông đã thực hiện nghĩa vụ tài chính đầy đủ hàng năm đối với nhà nước.

Vào tháng 8 năm 1998 gia đình ông có con đi bộ đội, con gái thì đi học xa, diện tích đất rừng được giao không có nhân lực nên không trồng hết. Lúc đó ông Phạm Gia H sang gặp ông đề nghị mượn một khoảnh rừng để trồng bạch đàn làm củi đun, vì tình cảm nên vợ chồng ông đã đồng ý cho ông H mượn trồng cây trong vòng 15 năm, hết 15 năm ông H phải trả lại đất cho ông. Hai bên nhất trí, thỏa thuận bằng lời nói chứ không làm giấy tờ. Cũng từ đó 1 năm 2 lần ông Hải đến nhà ông cảm ơn 2 lít rượu.

Khi gần đến thời gian trả đất khoảng vào năm 2010 ông H thu hoạch lứa cây Bạch đàn đầu tiên ông đã nhắc ông H sắp đến hạn phải trả đất thì ông H xin thu hoạch nốt lứa chồi thứ 2 rồi sẽ trả, vì tình cảm nên ông đồng ý. Sang năm 2015 lứa chồi mà ông H khất để thu hoạch đã lớn, ông tiếp tục nhiều lần sang nhà nhắc nhở ông H trả đất nhưng không thấy ông H có phản hồi gì. Trong thời gian đó nhà nước có chủ trương về việc phê duyệt dự án tổng kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013 - 2016 cụ thể là điều tra, kiểm kê hiện trạng sử dụng rừng của từng hộ gia đình để đưa vào quy hoạch để phát triển rừng tại địa phương. Trước khi chủ trương được thực hiện ông đã nhắc ông H và các con ông H báo cáo với chính quyền về hiện trạng ông H đang trồng bạch đàn trên đất của ông để quy hoạch cho đúng nhưng sau này ông mới vỡ lẽ là các con ông H đã gian dối, không báo cáo trung thực với chính quyền và đoàn kiểm kê về thực trạng ông H mượn đất của ông để trồng rừng, mà tự cho rằng đó là đất của ông H được nhà nước cấp sổ Lâm bạ năm 1992 nên mới có cây trồng trên đất, do đó phần đất và cây trồng trên đất của ông H hiện nay mới có trong

phần mềm của Hạt kiểm lâm huyện Y. Khi biết sự việc trên, ông đã nói ông H chặt cây để ông lấy đất, ông H trả lời "làm gì cũng được, chứ tôi cũng có bìa", bà K vợ ông H cũng trả lời "đất xã hội ai giành được cứ giành", bức xúc với thái độ của vợ chồng ông H, ông đã lên UBND xã hỏi thì được xã trả lời, ông H không có "bìa" nào cả, nếu ông H muốn làm "bìa" thì phải có giấy tờ tặng cho, bán, chuyển nhượng của ông hợp pháp mới được làm "bìa" vì đất ông H trồng cây bạch đàn là đất ông cho mượn, còn bản đồ 2015 là bản đồ khảo sát thực trạng gia đình nào báo cáo với chính quyền và đoàn đo đạc hiện trạng đang trồng loại cây gì trên đất lâm nghiệp để đưa vào quy hoạch chứ không có căn cứ pháp lý để cấp bìa đất.

Từ đó giữa hai bên gia đình xảy ra mâu thuẫn, thời điểm xảy ra mâu thuẫn là cuối năm 2015, đầu năm 2016. Ngày 6/6/2016 ông làm đơn lên xóm yêu cầu giải quyết.

Ngày 07/7/2016 ban xóm Y đã mời vợ chồng ông và vợ chồng ông H làm việc. Tại buổi làm việc vợ chồng ông H đã thỏa thuận trả đất cho ông đồng thời cảm ơn ông vì đã cho mượn đất những năm qua, vì thấy vợ chồng ông H đồng ý trả đất vui vẻ nên ông tự nguyện cho vợ chồng ông H mượn lại 1/3 đất rừng lâu dài. Biên bản họp xóm đã được đọc lại cho các bên cùng nghe và cùng vui vẻ ký tên vào biên bản, lúc đó bà K ký chữ "H" còn ông H cũng hoàn toàn vui vẻ và ra về trước nên không ký. Sau đó ông được nghe kể lại khi vợ chồng ông H về nhà nghe con cái nói nên bà K cùng với con trai là Phạm Gia T đến nhà bà Hồ Thị N - Bí thư chi bộ xóm để xin xem lại biên bản hòa giải, bà N đồng ý cho xem và khi đưa biên bản cho bà K xem, bà K đã vò xé rồi đem về luôn. Ngày 8/7/2016 bà N đã làm bản tường trình về sự việc trên.

Ngày 15/7/2016 UBND xã tiến hành hòa giải giữa hai gia đình, kết luận đất đang tranh chấp là của ông, yêu cầu đến ngày 30/7/2016 gia đình ông H phải thu hoạch toàn bộ cây cối để trả lại đất cho ông. Ngày 28/7/2016 ông làm đơn trình báo và xin phép UBND xã đến ngày 30/7/2017 được thực hiện chặt cây để lấy đất sản xuất, nhưng khi đang chặt cây thì trong ngày 30/7/2016 UBND xã lập biên bản hiện trường về việc ông chặt cây của ông H với lý do đất hiện nay đang tranh chấp, đồng thời xã đình chỉ việc chặt cây của ông.

Ngày 04/8/2016 UBND xã tiếp tục làm việc lần thứ 3 nhưng không thành. Ngày 12/8/2016 UBND xã P đã có Công văn số 14/KL- CT, kết luận nội dung kiến nghị của ông và ông Phạm Gia H, nhưng gia đình ông H không chấp nhận mà còn xuất trình một sổ lâm bạ, sổ lâm bạ đó bị tẩy xóa, tự vẽ thêm sơ đồ trên bìa, ông khẳng định sổ lâm bạ đó là giả mạo ông đề nghị Tòa xem xét tính hợp pháp sổ lâm bạ năm 1992 của ông H chứ ông không yêu cầu giám định. Ngoài việc xuất trình một sổ lâm bạ đó ra bên phía ông H không xuất trình thêm được tài liệu nào chứng minh, vì vậy ông đề nghị Tòa án buộc gia đình ông H chặt toàn bộ cây bạch đàn trên đất, trả lại cho ông diện tích đất đã mượn khoảng 2.000m^2 (theo số liệu cũ năm 2001) và các chi phí nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước trong 18 năm ông đã đóng. Nếu gia đình ông H không chấp nhận đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bản tự khai bổ sung và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Gia H và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K là bà Phạm Thị V trình bày:

Năm 1992 nhà nước có chủ trương giao đất, giao rừng cho từng hộ gia đình, bố mẹ của bà cũng được giao một mảnh đất ở đồi Lối Gụ liền kề đất nhà ông H và bà Hà Thị B mảnh đất này đã được cấp sổ lâm bạ có số 85, ngày 20/6/1992 mang tên ông H (bố đẻ của bà) trong sổ lâm bạ có vẽ kèm theo sơ đồ đất ký hiệu 469A - RT, có diện tích sử dụng là 2 sào 3 thước và một thửa đất 174 tại Hóc Bò cùng trong xóm Y - xã P có diện tích 0,14 ha thửa đất này hiện nay sổ lâm bạ do nhà nước giữ khi làm thủ tục cấp đổi nên chỉ còn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi giao đất cho từng hộ thì có một biên bản họp chung thông báo ngày nhận đất rừng từ đội 4 (nay là xóm Y), từng hộ lên nhận đất chứ không có giấy tờ giao riêng cho từng hộ. Đất rừng trong xóm là đất của Hợp tác xã (HTX) trước đây nhà nước chưa giao cho hộ gia đình nào, chỉ có những người cao tuổi (các cụ) trong HTX trồng bạch đàn còn các hộ gia đình nếu ai có nhu cầu thì tự khoanh lấy một vùng, tự bảo vệ để thu hoạch cây tự nhiên. Vào thời điểm trở về trước diện tích đất đang tranh chấp và diện tích đất ông H đang sử dụng là phần đất rừng ông H tự khoanh vùng, tự bảo vệ đến khi giao đất rừng thì ông H cũng như bao gia đình khác chỉ nhận phần đất mầu mỡ, có nhiều cây bạch đàn, cây tự nhiên còn phần trên đỉnh đồi đất cằn cọc ít cây bạch đàn cũng như cây tự nhiên lại khó khăn trong việc bảo vệ, thu hoạch thì ông H không nhận. Bố mẹ của bà lúc đó có nhân lực, đất rừng ít nên nhận phần đất khô cằn mà ông H không nhận để trồng bạch đàn. Sau khi nhận đất, thì tiến hành trồng cây vào năm 1992 - 1993 có bà Hà Thị B biết làm chứng cho bố mẹ của bà, nhưng nay cụ đã hơn 100 tuổi bị ốm đau và mất trí nhớ nằm một nơi không thể tham gia làm chứng được. Ngoài ra việc trồng cây bạch đàn ở diện tích đất đang tranh chấp còn có các hộ gần đó cùng trồng một lúc, làm chứng cho bố mẹ của bà. Đó là ông Phan Văn P, ông Nguyễn Văn T đều biết. Khi trồng cây xong, bố mẹ của bà nhờ ông H trông coi cây giúp, ông H nhận lời. Còn việc cấp bìa đất đối với những hộ gia đình có đất rừng trong xóm, xã vẫn còn nhiều bất cập, nhiều hộ chưa được cấp bìa, nhiều hộ có từ 2 đến 3 mảnh đất rừng nhưng chỉ mới được cấp bìa một mảnh và ngược lại có nhiều hộ gia đình cùng nhận một lô đất rừng rộng lớn nhưng lại cấp cả lô đất rộng đó cho một hộ gia đình.

Về phần đất rừng đang tranh chấp hiện chỉ có sổ lâm bạ năm 1992 không có hồ sơ giao đất Lâm nghiệp hay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do bố mẹ của bà già yếu không biết thủ tục để làm. Năm 2015 UBND xã tiến hành khảo sát hiện trạng sử dụng rừng của các hộ gia đình, bố mẹ của bà sau khi báo cáo hiện trạng sử dụng đất rừng đối với phần đất đang tranh chấp thì UBND xã đã giao một hồ sơ mang tên chủ rừng Phạm Gia H tại đồi Lối Gụ thuộc xóm 4 Y - xã P - Y - Nghệ An , tờ bản đồ 01 thửa đất số 223, tiểu khu 883, lô 180 và 189 có diện tích 0,45 ha chủ yếu trồng Keo và Bạch đàn được trồng vào năm 2001 và 2011 vì vậy bà khẳng định đó là đất của bố mẹ bà được cấp bìa độc lập không nằm trong bìa đất của ông H, hiện nay diện tích sử dụng đất rừng đã có trong phần mềm của hạt kiểm lâm huyện Y.

Ông H khai cho mượn đất vào năm 1998 là không đúng vì lúc đó gia đình bố mẹ của bà không có nhân lực bố thì thương binh, mẹ già yếu, chị em lấy chồng, ba em còn nhỏ đang đi học nên không có việc mượn đất. Việc cho mượn đất không có giấy tờ ông H không chứng minh được mà chỉ bằng lời nói vì vậy đề nghị Tòa xem xét việc này. Còn hàng năm cảm ơn 2 lít rượu vì ông H đã trông coi rừng hộ bố mẹ của bà chứ không phải cảm ơn vì ông H cho mượn đất.

Ngày 07/7/2016 ban xóm Y mời bố mẹ của bà lên làm việc thì trong quá trình hòa giải ông H đã có những lời lẽ mơn trớn, vừa phỉnh vừa đe dọa ép bố mẹ của bà ký là đã mượn đất của ông H rồi ông H sẽ cho mượn 1/3 đất rừng lâu dài. Do bố mẹ của bà tuổi cao sức yếu nên không biết gì, mẹ của bà đã ký vào biên bản, nhưng khi ký thì lại ký tên là "H", trong khi đó bố của bà do bị mệt đã về trước. Sau khi ép mẹ bà ký vào biên bản, thì buổi chiều cùng ngày mẹ bà và em trai của bà là anh Phạm Gia T đến nhà bà Hồ Thị N - Bí thư xóm xin xem lại biên bản và mẹ bà đã hủy biên bản đó vì thấy không đúng. Bà V khẳng định sự việc hòa giải tại xóm là có sự ép buộc, lừa phỉnh của ông H đối với bố mẹ của bà.

Ngày 8/7/2016 gia đình bố mẹ của bà viết đơn lên UBND xã yêu cầu giải quyết lại vụ việc. Ngày 15/7/2016 tại xóm, đại diện UBND xã về xóm giải quyết và kết luật đất đang tranh chấp là đất của ông H, hẹn 15 ngày sau nếu gia đình bố, mẹ của bà không có giấy tờ gì thêm thì phải thu hoạch cây trả đất cho ông H. Sự việc hai bên không hòa giải được nên ngày 16/7/2016 bố của bà đã làm đơn yêu cầu UBND xã xem xét giải quyết lại vụ việc. Sáng ngày 30/7/2016 ông H tự ý thuê người lên chặt cây chưa đến tuổi thu hoạch trên đất đang tranh chấp. Thấy sự việc như vậy bố mẹ của bà đề nghị xã can thiệp lập biên bản. UBND xã đã lập biên bản về việc này. Sự việc ông H tự ý chặt cây UBND xã đã giải quyết xong nay bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Khi cần thiết bà sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

Ngày 04/8/2016 UBND xã tiếp tục làm việc giữa các bên nhưng không thành vì chưa xác định được đất đang tranh chấp là của ai. Ngày 12/8/2016 UBND xã có Công văn số 14/KL-CT, kết luận nội dung kiến nghị của ông H, ông H nhưng gia đình bố mẹ của bà không đồng ý với kết luận đó.

Sau khi Tòa án yêu cầu về việc cung cấp chứng cứ liên quan đến hồ sơ cấp thửa đất đang tranh chấp; bà đến văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Y xin cấp thì trong hồ sơ phản ánh những tài liệu sau.

+/ Hồ sơ của ông H gồm có: Biên bản giao nhận đất Lâm nghiệp trên thực địa không đề ngày, tháng, năm phản ánh ông Lê Ngọc H nhận đất từ hạt kiểm lâm huyện Y giao cho là 0,72 ha do ông H đó có đơn xin nhận đất Lâm nghiệp vào ngày 12/8/1997. Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đề ngày 16/10/2001 của ông H xin cấp là 6.000 m^2 thời hạn sử dụng là 50 năm được ông Nguyễn Trọng K chủ tịch UBND xã phê duyệt đề nghị cấp đất vào ngày 7/10/2001. Biên bản xác định mốc giới, ranh giới đất Lâm nghiệp đề ngày 16/10/2001 của ông Lê Ngọc H phản ánh: Địa chỉ thửa đất Lối Gụ, xã P, huyện Y, các hộ đang sử dụng đất liền kề: Phía Bắc giáp đất ông Trần Văn K, phía Đông đỉnh đồi đất ông H, Phía nam giáp đất Hà Thị B, phía Tây giáp đất Phạm Văn X, hồ sơ có sơ đồ vẽ kèm theo, các chủ sử dụng liền kề đều ký trong biên bản nhưng không có chữ ký của bà Hà Thị B.

+/ Hồ sơ xin cấp thửa đất đang tranh chấp của ông H gồm: Biên bản xác định ranh giới, mốc giới đất lâm nghiệp đề ngày 16/10/2001 trong biên bản phản ánh địa chỉ khu đất của ông H là tại Hóc Bò xóm 4 Y - xã P - Y có tứ cận: Phía Bắc giáp Ngọc H; phía Đông là đỉnh đồi; phía Nam giáp Hà Thị B; phía Tây giáp Lê Ngọc H (Ngọc H và Lê Ngọc H là tên gọi của ông Lê Ngọc H nguyên đơn trong vụ án), không phản ánh sơ đồ vẽ kèm theo, chỉ có chữ ký của ông Hồ Sỹ T xóm trưởng và ông H, ông H, bà Hà Thị B không có xác nhận của địa chính xã và UBND xã. Hồ sơ của ông H do bị mất, hay thất lạc thì bà không rõ là do ai, do cơ quan tổ chức nào làm mất hay có sai sót gì nên hiện nay chỉ còn có những tài liệu trên, ngoài ra không có tài liệu nào khác.

Từ những căn cứ trên bà yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của ông H, đề nghị Tòa xem xét theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án các bên thống nhất thỏa thuận với nhau về giá của diện tích đang tranh chấp nên Tòa án không tiến hành định giá.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/7/2017 các bên thống nhất ký vào biên bản về đất đang tranh chấp có hiện trạng cụ thể sau:

+/ Trên đất đang tranh chấp hộ gia đình nhà ông H đang trồng bạch đàn có diện tích 4998m^2 (số liệu đo mới là 4998m^2 - số liệu cũ năm 2001 khoảng 2000m^2) có tứ cận như sau: Phía Bắc đỉnh động giáp hộ ông Trần Vũ N, ông Phan Văn P và ông Nguyễn Văn T có chiều dài gồm 5 đoạn gấp khúc: Đoạn dài là 5m + 4,47 m + 16,28m + 44,82m + 28,87m = 99,44 m; Phía Đông giáp đất hộ bà Hà Thị B được phân cách bằng một con mương có chiều dài gồm 3 đoạn gấp khúc: Đoạn dài 20m + 25,46m + 18,44 m = 63,9m. Phía Tây giáp với phần đất ông H đang sử dụng có chiều dài đoạn là 51,68m; Phía Nam giáp đất ông H đang sử dụng có chiều dài là 86,38m.

+/ Trên đất đang tranh chấp có 350 cây bạch đàn với đường kính trung bình từ 10 - 15cm (cây của ông H).

Đối với phần đất ông H đang sử dụng tiếp giáp với phần đất đang tranh chấp có hiện trạng cụ thể như sau: Diện tích đất rừng hiện nay ông H đang sử dụng là 11.516m^2 (số liệu đo mới), có tứ cận như sau: Phía Tây giáp ông Trần Văn K có chiều dài gồm 5 đoạn: 31,89m + 15,56m + 28,60m + 23,02m + 28,64m = 127,71m. Phía Nam giáp đường xóm có chiều dài 123,76m. Phía Bắc đỉnh đồi giáp ông Nguyễn Văn T có chiều dài 43,85m. Phía Bắc giáp ông Phạm Gia H (phần đất đang tranh chấp) có chiều dài 86,38m. Phía Đông giáp bà Hà Thị B có chiều dài 93,89m. Phía Đông giáp ông Phạm Gia H (đất đang tranh chấp) có chiều dài 51,68m. Tổng diện tích của 2 thửa (của ông H và diện tích đang tranh chấp) là 16.514m^2. Vậy diện tích đo đạc mới đã tăng lên đáng kể so với số liệu ban đầu do kỹ thuật đo đất qua các thời kỳ khác nhau.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng là ông Phan Văn P, ông Nguyễn Văn T đều khẳng định: ông H đang trồng rừng tại thửa đất đang tranh chấp có giáp ranh với diện tích đất mà ông P, ông T được giao. Theo ông P, ông T được biết khi nhà nước có chủ trương giao đất, giao rừng thì tất cả các hộ được giao đều trồng cây trên đất, các ông chỉ biết khi trồng rừng thì cũng thấy nhà ông H cũng trồng rừng

nhưng việc ông H trồng vào năm nào ông không nhớ chính xác, khoảng 1992 - 1993 gì đó. Về nguồn gốc đất đang tranh chấp cụ thể ra sao thì các ông không được biết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự với nhau nhưng không thành, các bên đều đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

+/ Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

+/ Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+/ Các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ; đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật: Buộc ông Phạm Gia H phải trả lại 4991m^2 (số liệu đo đạc mới) diện tích đất tranh chấp cho ông Lê Ngọc H; đồng thời buộc ông H phải thu hoạch các cây cối trên đất để trả lại mặt bằng đất cho ông H. Ông H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các đương sự, ý kiến trình bày của đại diện Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

1. Về tố tụng:

- Nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về quyền sử dụng đất, đã được hòa giải tại ban xóm 4 Y - xã P - huyện Y -Nghệ An vào các ngày 07/7/2016, ngày 15/7/2016 và tại UBND xã P - huyện Y - Nghệ An vào ngày 04/8/2017 nên đáp ứng điều kiện khởi kiện theo quy định tại điều 202 Luật đất đai.

- Đây là vụ án về tranh chấp quyền sử dụng đất được quy định tại khoản 9 điều 26 BLTTDS và điều 203 Luật đất đai năm 2013 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

2. Về nội dung:

(2.1) Xem xét tính pháp lý của một số chứng cứ có tại hồ sơ vụ án:

- Bà Phạm Thị V đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Gia H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K phủ nhận bố mẹ của bà không mượn đất của ông H . Ngoài ra bà V còn phủ nhận kết luận số 14/KL - CT-BUND, ngày 12/8/2016 của UBND xã P cũng như tính pháp lý của hồ sơ giao đất Lâm nghiệp năm 1997; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Ngọc H năm 2001 đã bị sửa diện tích; đơn xin nhận đất Lâm nghiệp mà ông H viết ngày 12/8/1997 tại sao khi xin là 0,72 ha mà đến khi cấp bìa chỉ có 0,6 ha và Biên bản xác định mốc giới, ranh giới đất lâm nghiệp ngày 16/10/2001. Bà V đề nghị Tòa chấp

nhận tính pháp lý của sổ Lâm bạ mang tên ông H số 85 cấp ngày 20/6/1992 và hồ sơ quản lý rừng mang tên chủ hộ Phạm Gia H năm 2015.

Phía Ông H, bà T đề nghị công nhận kết quả hồ sơ giao đất Lâm nghiệp và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà gia đình ông đã được nhà nước cấp là hợp pháp.

Về những vấn đề này, Hội đồng xét xử thấy:

Mặc dù vào thời điểm năm 1998 việc cho mượn đất giữa gia đình ông H và gia đình ông H không được lập bằng văn bản chỉ có giao dịch với nhau bằng lời nói nhưng căn cứ vào biên bản hòa giải tại xóm 4 YT- xã P – huyện Y -Nghệ an ngày 07/7/2016, căn cứ vào bản tường trình của bà Hồ Thị N - Bí thư xóm, thì sau khi nghe ông Lê Ngọc H trình bày ý kiến bà Nguyễn Thị K và ông Phạm Gia H có ý kiến "*cảm ơn ông H đã cho mượn đất trồng cây đã 20 năm nhưng do ông và gia đình lầm tưởng khi ban Lân nghiệp chuyển danh sách về để ký xác nhận ranh giới cây lâm nghiệp, gia đình lại nghĩ rằng đó là bìa đất lâm nghiệp, nên cư xử không đúng với gia đình ông H. Nay hiểu ra gia đình xin trả lại đất rừng cho ông H*"; sự việc diễn ra tốt đẹp nhưng liền sau đó bà K đã quay lại và hủy biên bản hòa giải ngày 07/7/2016 đi. Việc bà K tự ý hủy biên bản hòa giải của ban xóm là trái quy định, bà không thừa nhận mượn đất của ông H bà có thể làm đơn xin rút ý kiến tại biên bản hòa giải ngày 07/7/2016 yêu cầu chính quyền địa phương cũng như các cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Hơn nữa tại kết luận của UBND xã P số 14/KL-CT- UBND đã xác định.

+/Thửa đất số 223, lô 180,189 hiện tại đang tranh chấp có nguồn gốc tách từ thửa số 469 trong tổng diện tích 6000m^2 đất rừng đã được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông H.

Bản kết luận này đã được chủ tịch UBND xã P là ông Đinh Văn D ký trên cơ sở căn cứ vào kết quả các buổi làm việc tại xóm, xã, bản đồ 299, sổ mục kê, biên bản xác minh tại địa chính xã ngày 06/7/2017.

Về hồ sơ giao đất Lâm nghiệp và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông H cho thấy: Gia đình ông H được UBND huyện Y giao quyền sử dụng đất Lâm nghiệp ổn định từ 20/6/1992 theo chủ trương giao đất, giao rừng là 50 năm, trong quá trình sử dụng đất gia đình ông H không có tranh chấp với ai, khi nhà nước có chủ trương cấp đổi từ sổ Lâm bạ sang hồ sơ giao đất Lâm nghiệp và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình ông H đã thực hiện đúng quy trình. Việc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị sửa diện tích từ 26.000m^2 thành 6000m^2 đã được đính chính lại vào ngày 17/8/2016 mặt sau của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại phần "Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận" do ông Nguyễn Đức T ký, đóng dấu của Phòng tài nguyên và Môi trường huyện Yên Thành.

Về đơn xin nhận đất Lâm nghiệp mà ông H viết ngày 12/8/1997 bà V yêu cầu xem xét việc tại sao khi ông H xin là 0,72 ha mà đến khi cấp bìa chỉ có 0,6 ha và biên bản xác định mốc giới, ranh giới đất lâm nghiệp ngày 16/10/2001 được thể hiện ranh giới mốc cận giáp với đất của ông H cho thấy: Tại đơn xin cấp đất, biên bản xác minh tại địa chính xã P thì khi ông H làm đơn xin đất là xin 02 thửa 469 và 217a do đó mới có 0,72 ha nhưng sau đó ông H chỉ được cấp một thửa 469 còn thửa 217a

hiện nay đang là bãi đất trống dùng để lấy đất, đá cho nhân dân trong vùng, nhà nước chưa giao cho ai.

Đối với biên bản xác định mốc giới ngày 16/10/2001 thì theo bản viết tay của ông Ngô Sỹ T; bản đồ 299; biên bản xác minh; sổ mục kê; biên bản xem xét thẩm định tại chỗ cho thấy: Vào năm 2001 ông T làm xóm trưởng lúc đó nhà nước có chủ trương chuyển đổi đất rừng từ hồ sơ giao đất Lâm nghiệp sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phải làm thủ tục theo quy định trong đó có việc xác định ranh giới đất lâm nghiệp của các hộ sử dụng đất rừng, khi đó ông nhờ người giúp việc ghi vào biên bản rồi đi phát cho người dân lấy chữ ký, còn nguồn gốc đất đang tranh chấp giữa hai hộ ông không được biết.

Tại bản đồ 299 thể hiện đúng sơ đồ thửa đất ông H được cấp tuy nhiên biên bản xác định mốc giới ngày 16/10/2001 thể hiện phía Đông đất của ông H giáp với đỉnh đồi ông H là sai vì căn cứ vào biên bản xem xét thẩm tại chỗ ngày 06/7/2017 phía Đông của đất ông H và thửa đất đang tranh chấp đều giáp với đất của bà Hà Thị B; phía Nam giáp với đường liên xóm chứ không phải như biên bản xác định mốc giới thể hiện phía Nam giáp bà Hà Thị B; ngược lại hình thể của thửa đất thể hiện trong biên bản xác định mốc giới hoàn toàn phù hợp với hình thể thửa đất tại hồ sơ giao đất Lâm nghiệp năm 1999 của ông H. Trong biên bản xác định mốc giới không có chữ ký của bà Hà Thị B chỉ có ba hộ là ông Trần Văn K, Phạm Văn X, Phạm Gia H ký vào biên bản. Tòa án đã xác minh về việc này tại UBND xã thì UBND xã cho biết vào thời điểm đó làm biên bản xác định mốc giới chỉ mang tính hình thức để phù hợp và đầy đủ hồ sơ theo quy định, thực tế thì đất rừng tại xóm 4, YT đã được nhà nước giao ổn định cho các hộ từ năm 1992. Hơn nữa qua xác minh tại sổ mục kê tại xã P chỉ thể hiện ông H được cấp và sử dụng một thửa đất duy nhất là thửa 174 tại Hóc Bò liền kề đất ở, đất vườn nhà ông H hiện nay đang sử dụng, ngoài ra ông H không được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với bất kỳ thửa đất nào khác.

Về tính pháp lý của sổ lâm bạ năm 1992 mang tên ông H thì qua xem xét thực tế cho thấy sổ lâm bạ này do nhà nước cấp theo chủ trương giao đất, giao rừng cho ông H là có thật, đúng quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía ông H đã cung cấp sổ Lâm bạ năm 1992, hồ sơ giao đất Lâm nghiệp và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Văn T người cùng xóm được cấp theo đúng trình tự như gia đình ông H cho thấy: So sánh, đối chiếu sổ lâm bạ của ông H, ông H, ông T không có sự trùng khớp với nhau về dữ liệu phản ánh trên bề mặt phía sau của sổ lâm bạ. Sổ lâm bạ của ông H phản ánh sơ đồ đất 469^{A} - RT và ghi cụ thể tứ cận của thửa đất bằng mực bút bi xanh nét vẽ đứt đoạn không liền mạch, vẽ bằng tay thủ công; diện tích 2 sào 3 thước; còn sổ lâm bạ của ông H và ông T không phản ánh dữ liệu này.

Để có căn cứ xác định tính hợp pháp của sổ lâm bạ do các bên cung cấp Tòa án đã làm biên bản xác minh tại Hạt kiểm lâm huyện Yên Thành về nguồn gốc cấp sổ Lâm bạ và danh sách cấp sổ lâm bạ cho các hộ sử dụng đất thời điểm năm 1992 tại xã P, ông Nguyễn Trung H hạt phó hạt Kiểm Lâm cho biết vào thời điểm năm 1992 nhà nước có chủ trương làm sổ Lâm bạ giao đất, giao rừng do lần đầu triển

khai nên còn thô sơ, kỷ thuật, các dữ liệu và một số vấn đề liên quan đến thửa đất chưa được làm cụ thể, rõ ràng như hiện nay. Hiện tại Hạt kiểm lâm không còn lưu giữ bất kỳ sổ lâm bạ nào của năm 1992.

Từ đó cho thấy sổ Lâm bạ của ông Hải thuộc thửa số 174 có diện tích 1.400m^2 tại Hóc Bò diện tích này cũng tương đương với diện tích được thể hiện tại sổ Lâm bạ năm 1992 của ông Hải là 2 sào 3 thước (khoảng 1.200m^2) còn thửa đất đang tranh chấp có diện tích đo đạc mới tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ là 4998m^2 (số liệu đo đạc mới). Tất cả các số liệu về diện tích đất rừng đều có sự thay đổi tăng lên đáng kể là do kỹ thuật đo trải qua từng thời kỳ vì vậy đủ cơ sở để giải quyết trong vụ án này.

Về hồ sơ quản lý đất rừng năm 2015: Tòa án đã xác minh tại Hạt kiểm lâm huyện Yên Thành thì đó là chủ trương của nhà nước về việc kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013 - 2016, đoàn kiểm kê của lâm nghiệp về kết hợp với UBND xã tiến hành kiểm kê thực trạng sử dụng rừng trên địa bàn huyện và xã Phúc Thành, hộ gia đình nào báo cáo hiện trạng sử dụng rừng thì đưa vào phần mềm quản lý của kiểm lâm chứ không phải chủ trương về đo đất, giao rừng để cấp bìa đỏ, Hạt kiểm lâm không có thẩm quyền này, do đó Hạt kiểm lâm không biết nguồn gốc đất của từng hộ gia đình trồng rừng cụ thể ra sao. Vì vậy hồ sơ quản lý đất rừng năm 2015 của ông H không phải cơ sở để khẳng định diện tích đang tranh chấp là đất của ông H được nhà nước cấp độc lập nó chỉ là hồ sơ về việc quản lý hiện trạng sử dụng rừng để nhà nước có phương án quy hoạch phát triển rừng sau này.

Mặc dù tại biên bản lấy lời khai của các nhân chứng đều thừa nhận là có biết việc gia đình ông H trồng cây vào khoảng năm 1992 không nhớ chính xác năm và cũng không biết về nguồn gốc đang tranh chấp của hai hộ gia đình vì vậy không đủ căn cứ làm chứng cho phía bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Từ đó khẳng định việc ông H cho ông H mượn đất, kết luận của UBND xã P và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được phân tích, đánh giá ở trên là có căn cứ, phù hợp với thực tế cần được chấp nhận.

(2.2).Về quyền sử dụng đất của các đương sự:

Gia đình ông H được nhà nước giao cho quyền sử dụng đất ổn định và thực hiện nghĩa vụ tài chính từ ngày 20/6/1992 đến nay. Tại sổ lâm bạ số 88 năm 1992, Hồ sơ giao đất Lâm Nghiệp năm 1999; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 cấp cho gia đình ông H có trình tự kế tiếp phán ánh đúng thủ tục, nội dung cấp đất, phù hợp với các tài liệu lưu giữ tại UBND xã P.

Ngoài ra trình tự cấp đất của gia đình ông H không có biên bản giao, nhận đất lâm nghiệp cũng như biên bản xác định mốc giới đối với thửa đất đang tranh chấp mà gia đình ông H chỉ có biên bản xác định mốc giới ngày 16/10/2001 nhưng trong biên bản này thể hiện địa chỉ thửa đất của ông H là tại Hóc Bò chứ không phải đồi Lối Gụ (thửa đất đang tranh chấp) chỉ có ông H, bà Hà Thị B và xóm trưởng Hồ Sỹ Thị K còn địa chính xã không ký và UBND xã không ký xác nhận, trong biên bản không thể hiện hình thể của thửa đất, điều này khẳng định thêm việc làm biên bản xác định mốc giới vào thời điểm đó chỉ là hình thức, thủ tục.

Tại phiên tòa bà V khẳng định bố mẹ của bà được nhà nước cấp hai thửa đất đó là thửa 174 tại Hóc bò và thửa đất hiện nay đang tranh chấp. Khi được hỏi về nguồn gốc và trình tự thủ tục cấp đổi các giấy tờ liên quan đến hai thửa đất này bà trình bày. Do bố mẹ của bà già yếu không biết chủ trương của nhà nước về việc cấp đổi đối với thửa đất đang tranh chấp nên không đi làm, bố mẹ của bà nghĩ rằng sẽ còn đợt cấp đổi khác nên mới chỉ làm thủ tục cấp đổi tại thửa 174 còn thửa đất đang tranh chấp chưa kịp làm là không có căn cứ, không đúng với thực tế. Bởi lẽ tại sao khi làm thủ tục cấp đổi đối với thửa 174 mà lại không làm luôn với thửa đang tranh chấp, điều này thể hiện bố mẹ của bà đã tự bỏ quyền làm chủ của mình đối với thửa đất đang tranh chấp, thực tế cho thấy bố mẹ của bà không có quyền sử dụng do nhà nước giao nên không thể làm thủ tục như gia đình ông H, ông T. Mặt khác khi nhà nước có chủ trương thì nhà nước đều có trách nhiệm thông báo đến toàn thể các hộ dân, do đó bắt buộc bố mẹ của bà là người phải biết rõ chủ trương của nhà nước. Hơn nữa tại hồ sơ bà V cung cấp cho Tòa án sau khi poto từ Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất phản ánh rõ hồ sơ của ông H có đầy đủ còn ông H chỉ còn lại duy nhất một biên bản xác định mốc giới ngày 16/10/2001 bà khai là do bị mất, hay do cơ quan có thẩm quyền làm thất lạc việc này là hoàn toàn không có cơ sở, việc các tài liệu giấy tờ liên quan đến hồ sơ cấp đất của gia đình bố mẹ bà phải tự quản lý, cất giữ, khi làm thủ tục các hộ dân đều được có một bộ để lưu riêng, việc bà Vân cho rằng bị cơ quan có thẩm quyền nào đó làm thất lạc thì gia đình bố mẹ của bà phải có trách nhiệm tìm kiếm và làm đơn yêu cầu làm rõ về việc làm mất hay thất lạc giấy tờ đến cơ quan có thẩm quyền đó. Điều này chứng minh toàn bộ hồ sơ cấp đất đối với thửa đất đang tranh chấp là không có, không tồn tại trên thực tế.

Từ những nhận định phân tích đánh giá ở trên cho thấy nguồn gốc đất của ông H là hợp pháp, được nhà nước giao quyền sử dụng, nguồn gốc gốc đất của ông H là không hợp pháp không có căn cứ.

(2.3). Xác định quyền lợi và nghĩa vụ của các đương sự:

Trên cơ sở kết hợp các dữ liệu có tại hồ sơ vụ án: Xác định việc gia đình ông Hải sử dụng đất trồng cây trên diện tích đang tranh chấp từ năm 1998 cho đến nay đã thu được hoa lợi nhất định từ việc trồng cây Keo và Bạch đàn, theo bà V nếu phải trả lại đất thì phía gia đình ông H yêu cầu gia đình ông H phải bồi thường công bảo quản, chăm sóc đất thì không đủ cơ sở chấp nhận, bởi lẽ gia đình ông H đã trồng cây công khai và liên tục trong nhiều năm và hiện nay sau khi Tòa án về trực tiếp thẩm định tại thửa đất đang tranh thì thấy hiện trên thửa đất vẫn còn có 150 cây có đường kính trung bình từ 10 -15 cm là của ông H trồng (lứa chồi thứ hai) phía gia đình ông H cũng thừa nhận đây là lứa chồi thứ hai, vì vậy gia đình ông H đã và đang được hưởng phần hoa lợi từ việc trồng cây trên đất nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này.

Từ những lập luận trên, căn cứ vào điều 166, điều 170 Luật đất đai 2013; điều 166, 175 Bộ luật dân sự 2015 và các quy định khác; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Gia H phải trả lại 4998 m^2 đất tranh chấp tại đồi Lối Gụ thuộc xóm 4 YT - xã P – huyện Y - Nghệ An cho gia đình ông

H; ngoài ra, gia đình ông H còn phải tự thu hoạch toàn bộ số cây đã trồng còn lại trên phần đất tranh chấp để trả lại mặt bằng cho ông Lê Ngọc H.

Đối với số cây ông H đã chặt do bà V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

-Tại đơn khởi kiện ông H yêu cầu phía bị đơn phải thanh toán nghĩa vụ tài chính mà ông đã nộp cho nhà nước tại phiên Tòa ông H không yêu cầu nữa nên Hội đồng xét xử miễn xét.

-***Về án phí***: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Phạm Gia H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 9 điều 26; điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 166, 189, 191 Bộ luật dân sự năm 2015; điều 105, 106, 166, 170; 202, 203 Luật đất đai năm 2013; điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Ngọc H.

Buộc: Bị đơn ông Phạm Gia H phải trả lại cho ông Lê Ngọc H diện tích đất đang tranh chấp(4998 m2) thuộc khu vực đồi Lối Gụ xóm 4 YT - xã P - huyện Y - tỉnh Nghệ An có tứ cận cụ thể:

+/ Phía Bắc đỉnh động giáp hộ ông Trần Vũ N, ông Phan Văn P và ông Nguyễn Văn T có chiều dài gồm 5 đoạn gấp khúc: Đoạn dài là 5m + 4,47 m + 16,28m + 44,82m + 28,87m = 99,44 m; Phía Đông giáp đất hộ bà Hà Thị B được phân cách bằng một con mương có chiều dài gồm 3 đoạn gấp khúc: Đoạn dài 20m + 25,46m + 18,44 m = 63,9m. Phía Tây giáp với phần đất ông H đang sử dụng có chiều dài đoạn là 51,68m; Phía Nam giáp đất ông H đang sử dụng có chiều dài là 86,38m.(Có Sơ đồ kèm theo Bản án)

Buộc: Ông Phạm Gia H phải thu hoạch toàn bộ cây cối trên diện tích 4998 m^2 đất nói trên để trả lại mặt bằng đất cho ông Lê Ngọc H.

- Về án phí: Buộc ông Phạm Gia H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn)đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Lê Ngọc H 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004930, ngày 09 tháng 12 năm 2016 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành phát hành.

Nguyên đơn, bị đơn, người được bị đơn ủy quyền; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người được người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ủy quyền được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi gửi:
- VKS H. Yên Thành
- Các bên ĐS
- THA DS H. Yên Thành
- TAND tỉnh
- UBND Xã
- Lưu hs, VP

(đã ký)

Lê Thị Nhung